

Chuyển đổi xanh: Từ nhận thức đến giải pháp thực hiện

PGS, TS Vũ Văn Phúc

Nguyên Tổng Biên tập Tạp chí Công sản

10:23, ngày 28-10-2025

TCCS - Chuyển đổi xanh và chuyển đổi số là hai trụ cột quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững. Chuyển đổi xanh hướng đến việc xây dựng một nền kinh tế thân thiện với môi trường thông qua việc giảm thiểu khí thải, sử dụng năng lượng tái tạo và thiết lập hệ sinh thái cân bằng. Ở nước ta, tuy chỉ mới bắt đầu, nhưng chuyển đổi xanh đã tạo ra cơ hội lớn, đồng thời đối mặt với không ít thách thức, đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ giữa Nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng.

Tầm quan trọng của chuyển đổi xanh đối với sự tăng trưởng và phát triển bền vững

Chuyển đổi xanh là việc phát triển kinh tế - xã hội đất nước với mức phát thải từ thấp đến rất thấp dựa trên tiêu chuẩn về phát triển xanh, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, sử dụng nguồn năng lượng sạch và có thể tái tạo, vận hành hoạt động sản xuất, kinh doanh thân thiện với môi trường và sức khỏe con người, đồng thời ngăn chặn tình trạng suy giảm đa dạng sinh thái. Chuyển đổi xanh không chỉ là việc phát triển, ứng dụng công nghệ hướng tới môi trường xanh, mà còn phải thay đổi quy trình sản xuất, kinh doanh hướng tới kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, xã hội số, công dân số... Chuyển đổi xanh nhằm phát triển bền vững với ba trụ cột: Kinh tế xanh, xã hội xanh, môi trường xanh.

Ở Việt Nam, phát triển bền vững là quan điểm xuyên suốt của Đảng ta từ khi tiến hành công cuộc đổi mới tới nay. Ngay từ Đại hội VI, thời điểm nền kinh tế còn đang gặp nhiều khó khăn, Đảng ta đã đề ra đường lối đổi mới, trong đó có đổi mới

tư duy về phát triển đất nước theo hướng bền vững. Đến Đại hội VII, lần đầu tiên Đảng khẳng định quan điểm phải kết hợp chặt chẽ, hài hòa, hợp lý giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội. Đây là bước phát triển mới trong tư duy của Đảng về phát triển bền vững ở nước ta, phù hợp với quan điểm chung của thế giới. Đại hội VIII, Đảng đã chính thức sử dụng khái niệm “phát triển bền vững”, trong đó có kết hợp chặt chẽ, hài hòa, hợp lý giữa tăng trưởng kinh tế, bảo đảm tiên bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường với phát triển bền vững về văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ và củng cố quốc phòng - an ninh.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) chỉ rõ: “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển”(1). Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020 đề ra 5 quan điểm lớn về phát triển nhanh, phát triển bền vững, trong đó Quan điểm phát triển thứ nhất khẳng định: “Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững, phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược”(2); Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 cũng đề ra 5 quan điểm lớn. Có thể nhận thấy, các quan điểm, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp đều thể hiện xuyên suốt mục tiêu phát triển kinh tế hài hòa với phát triển văn hóa và gắn chặt với thực hiện tiên bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường bền vững. Quan điểm phát triển thứ nhất trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, khẳng định: “Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”(3).

Quán triệt và thực hiện hiệu quả quan điểm được thể hiện trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng “gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường...”(4) có ý nghĩa quan trọng

trong tình hình hiện nay. Đây là quan điểm thể hiện sâu sắc vấn đề có tính nguyên tắc về mối quan hệ biện chứng trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong thực tiễn, kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh trên địa bàn chiến lược đã, đang đạt hiệu quả thiết thực, trở thành điều kiện tiên quyết bảo đảm huy động tổng hợp nguồn lực, tiềm năng, lợi thế,... để xây dựng, phát triển từng khu vực, địa bàn và đất nước phát triển nhanh, bền vững.

Như vậy, quan điểm về phát triển bền vững tiếp tục được hoàn thiện, thống nhất, phát triển bền vững phải bao gồm phát triển bền vững cả ba trụ cột: phát triển kinh tế bền vững, phát triển xã hội bền vững, bảo vệ môi trường bền vững.

Phát triển bền vững, chuyển đổi xanh đích đến vì con người, phục vụ con người; làm cho đời sống vật chất và tinh thần của con người ngày càng được nâng cao, con người không chỉ có mức sống vật chất cao mà còn được sống trong môi trường tự nhiên, môi trường xã hội tốt đẹp, trong lành, bình an, hạnh phúc. Phát triển bền vững là quá trình phát triển kết hợp chặt chẽ, hài hòa, hợp lý giữa ba yếu tố, bao gồm phát triển kinh tế bền vững, phát triển xã hội công bằng, bảo vệ môi trường bền vững.

Quan điểm phát triển bền vững, chuyển đổi xanh của Đảng ta đã được cụ thể hóa bằng Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 3-6-2013, của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, “Về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường” và sau 5 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 56-KL/TW, ngày 23-8-2019, “Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường”. Đây là định hướng quan trọng để Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2020 (Quyết định số 1393/QĐ-TTg) và Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2021 - 2030 (Quyết định số 1658/QĐ-TTg) với tầm nhìn đến năm 2050.

Việt Nam cũng phê duyệt và tham gia Thỏa thuận Pa-ri vào năm 2016 và đề trình đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) lên Công ước khung về biến đổi khí hậu (UNFCCC) năm 2020, trong đó cam kết cắt giảm phát thải khí nhà kính đạt 9% bằng nguồn lực trong nước, tương đương 83,9 triệu tấn CO₂tđ, lên tới 27% khi có nguồn lực quốc tế, tương đương 250,8 triệu tấn CO₂tđ so với kịch bản phát triển thông thường trong giai đoạn 2021 - 2030. Mức cam kết này tại NDC cập nhật năm 2022 đã nâng lên là giảm 15,8% bằng nguồn lực trong nước và 43,5% với nguồn lực quốc tế. Chiến lược tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 đưa ra định hướng cụ thể, tập trung thúc đẩy xanh hóa quá trình sản xuất, tiêu dùng và lối sống: 1- Nâng cao hiệu suất và hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm mức tiêu hao năng lượng trong hoạt động sản xuất, vận tải, thương mại và công nghiệp; 2- Đẩy mạnh khai thác hiệu quả và tăng tỷ trọng các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới trong sản xuất và tiêu thụ năng lượng của quốc gia; 3- Phát triển mạnh ngành sản xuất hiện đại, ít phát thải; 4- Từng bước hạn chế ngành kinh tế phát sinh chất thải lớn, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, tạo điều kiện phát triển ngành sản xuất xanh mới, các ngành kinh tế tuần hoàn; 5- Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, năng lượng, thủy lợi bền vững nhằm bảo đảm an ninh nguồn nước, năng lực phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu và thúc đẩy phát triển kinh tế; 6- Thực hiện biện pháp nâng cao nhận thức và thay đổi lối sống của cộng đồng hướng tới một nền kinh tế xanh, như xây dựng nông thôn mới có lối sống hòa hợp với môi trường và thiên nhiên theo tiêu chuẩn sống tốt, bảo vệ và phát triển cảnh quan và môi trường xanh, sạch, đẹp, văn minh; thúc đẩy tiêu dùng và mua sắm xanh, bền vững thông qua các chương trình dán nhãn năng lượng, nhãn sinh thái, nhãn xanh...; đẩy mạnh mua sắm công xanh.

Thách thức trong chuyển đổi xanh tại Việt Nam

So với các nước đi đầu về chuyển đổi xanh trên thế giới, Việt Nam là quốc gia đang trong quá trình chuyển đổi xanh. Với lợi thế của một nước đi sau, Việt Nam có

thể tiếp thu kinh nghiệm từ các nước đã triển khai thành công trên thế giới. Ngoài ra, Việt Nam cũng có nhiều lợi thế về địa lý trong quá trình chuyển đổi xanh để hướng tới xây dựng một nền kinh tế xanh phát triển bền vững, đạt mục tiêu hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường. Không thể phủ nhận lợi ích mà chuyển đổi xanh mang lại, nhưng chuyển đổi xanh cũng đặt ra thách thức:

Một là, Việt Nam là nước mới chuyển sang kinh tế xanh nên cần tiếp tục triển khai nghiên cứu và phổ biến kiến thức rộng rãi hơn tới nhà lãnh đạo, nhà hoạch định chính sách, doanh nghiệp và người dân. Với một xu hướng mới như chuyển đổi xanh, phần lớn doanh nghiệp vẫn còn băn khoăn về tiềm năng, thách thức khi triển khai. Do vậy, quá trình thực hiện sẽ thuận lợi hơn nếu doanh nghiệp nhận thức đầy đủ và nhận được sự đồng thuận của xã hội.

Hai là, chuyển đổi xanh hay nền kinh tế xanh được gắn với việc sử dụng năng lượng tái tạo, các-bon thấp, tăng trưởng xanh, đầu tư khôi phục hệ sinh thái, giải quyết sinh kế gắn với phục hồi môi trường. Đây là một thách thức không nhỏ đối với nước ta bởi vì hầu hết công nghệ hiện tại ở Việt Nam là công nghệ cũ, lạc hậu và tiêu hao nhiều năng lượng.

Ba là, việc huy động nguồn vốn cũng là thách thức lớn với Việt Nam để thực hiện mục tiêu xây dựng nền kinh tế xanh. Việt Nam là một đất nước đang phát triển, tích lũy quốc gia về cơ bản vẫn còn thấp. Do đó, đây là vấn đề ít nhiều ảnh hưởng tới quá trình triển khai. Ngoài ra, chuyển đổi xanh ở Việt Nam còn khá mới, khung thể chế trong một số lĩnh vực chưa rõ ràng nên việc kêu gọi đầu tư để phát triển mô hình mới hướng tới nền kinh tế xanh cũng trở nên khá khó khăn.

Bốn là, xu hướng chuyển đổi xanh ở Việt Nam chưa đồng bộ do chưa có chiến lược và quy hoạch phát triển rõ ràng. Sự kết hợp của nhiều thách thức gây cản trở cho quá trình chuyển đổi xanh. Rõ ràng, chuyển đổi xanh là một xu hướng, một

hướng phát triển kinh tế bền vững, nhưng với những nước đang phát triển như Việt Nam, đó cũng chính là thách thức.

Định hướng cơ bản nhằm chuyển đổi xanh thành công ở Việt Nam

Thứ nhất, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, mục tiêu phát triển bền vững, chuyển đổi xanh.

Lồng ghép mục tiêu phát triển bền vững, chuyển đổi xanh trong quá trình xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, chiến lược, chính sách, quy hoạch phát triển của đất nước, của các bộ, ngành, địa phương. Lồng ghép đầy đủ các mục tiêu phát triển bền vững, chuyển đổi xanh của Việt Nam vào nội dung Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030, quy hoạch phát triển của ngành và địa phương giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Xây dựng và ban hành chỉ tiêu, lộ trình thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, chuyển đổi xanh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Xây dựng và ban hành hệ thống cơ sở dữ liệu về mục tiêu, chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững, chuyển đổi xanh, cơ chế thu thập thông tin dữ liệu phục vụ giám sát, đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, chuyển đổi xanh của Việt Nam. Nghiên cứu và xây dựng công cụ thu thập và phổ biến số liệu, cơ sở dữ liệu có tính sáng tạo. Vận hành hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu về mục tiêu phát triển bền vững, chuyển đổi xanh; công khai thông tin về kết quả thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, chuyển đổi xanh để chia sẻ với bên liên quan nhằm khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu này và để phục vụ công tác hoạch định chính sách. Tăng cường năng lực cán bộ làm công tác thống kê để bảo đảm việc giám sát, đánh giá, báo cáo các mục tiêu phát triển bền vững, chuyển đổi xanh.

Giám sát, đánh giá, báo cáo thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, chuyển đổi xanh. Trong năm 2025, thực hiện đánh giá giữa kỳ giai đoạn 2021 - 2030 kết quả

thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện sự phát triển bền vững, chuyển đổi xanh. Đến năm 2030, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện sự phát triển bền vững, chuyển đổi xanh kết hợp với đánh giá kết quả thực hiện Báo cáo Việt Nam 2035 và chuẩn bị xây dựng các mục tiêu phát triển bền vững, chuyển đổi xanh cho thời kỳ 2035 - 2045.

Thứ hai, nâng cao nhận thức và hành động của toàn xã hội về phát triển bền vững, chuyển đổi xanh và mục tiêu phát triển bền vững, chuyển đổi xanh của Việt Nam.

Huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư, đối tác phát triển trong thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, chuyển đổi xanh

Tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong giám sát thực hiện và phản biện xã hội trong quá trình triển khai thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, chuyển đổi xanh.

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành, sự phối hợp giữa các cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp, các tổ chức chính trị - xã hội, hiệp hội ngành nghề, cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ và sự phối hợp giữa cơ quan Trung ương và cơ quan địa phương trong triển khai thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, chuyển đổi xanh để bảo đảm tính tích hợp và lồng ghép của các mục tiêu.

Tăng cường và huy động nguồn lực, nhất là nguồn lực tài chính trong nước và nước ngoài để triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia:

- Tăng cường nguồn lực tài chính công thông qua việc nâng cao hiệu quả hệ thống thuế, chính sách thuế; tiết kiệm chi tiêu công; đổi mới quản lý tài chính công theo hướng công khai, minh bạch.

- Huy động nguồn lực xã hội cho thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, chuyển đổi xanh. Trong xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của các cấp, các ngành, bên cạnh nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, chú ý huy động nguồn lực xã hội khác, đặc biệt là từ khu vực doanh nghiệp, khu vực tư nhân cho thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, chuyển đổi xanh.

- Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách cụ thể để huy động nguồn tài chính, đặc biệt là nguồn tài chính từ khu vực tư nhân để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, chuyển đổi xanh.

- Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tăng cường kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh công khai, minh bạch trong sử dụng ngân sách nhà nước, trong phân bổ nguồn lực.

Thứ ba, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số; đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô; huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, chuyển đổi xanh.

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu, nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững, tính xanh hóa. Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, trọng tâm là cơ cấu lại ngành sản xuất, dịch vụ phù hợp với các vùng; thúc đẩy cơ cấu lại doanh nghiệp và điều chỉnh chiến lược thị trường; tăng nhanh giá trị nội địa, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và của cả nền kinh tế; phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

Tiếp tục đổi mới việc xây dựng và thực thi luật pháp bảo đảm cạnh tranh bình đẳng, minh bạch giữa doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Đổi mới công tác quy hoạch, kế hoạch và điều hành phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường, đồng thời thực hiện tốt chính sách xã hội. Thực hiện cơ chế và chính sách phù hợp, đặc biệt là

cơ chế, chính sách tài chính, tiền tệ nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của nền kinh tế.

Thứ tư, phát triển mạnh công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh; chú trọng phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp dựa trên công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại, công nghệ kỹ thuật số...

Thực thi Chính sách công nghiệp quốc gia. Bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa quy hoạch phát triển các ngành công nghiệp với chiến lược tổng thể phát triển công nghiệp, hình thành mạng sản xuất, chuỗi giá trị công nghiệp; chú trọng phát triển công nghiệp theo chiều sâu, khai thác triệt để thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để phát triển bền vững, chuyển đổi xanh, chuyên sâu một số ngành công nghiệp nền tảng, mang tính chiến lược, có lợi thế cạnh tranh. Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp điện tử là con đường chủ đạo; phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo là trung tâm; phát triển công nghiệp chế tạo thông minh là bước đột phá; chú trọng phát triển công nghiệp xanh... Cơ cấu lại sản xuất công nghiệp cả về ngành kinh tế - kỹ thuật, vùng và giá trị mới. Tăng hàm lượng khoa học - công nghệ và tỷ trọng giá trị nội địa trong sản phẩm. Phát triển chọn lọc công nghiệp chế biến, chế tác, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp năng lượng, khai khoáng, luyện kim, hóa chất, công nghiệp quốc phòng. Ưu tiên phát triển sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, sản phẩm có khả năng tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu thuộc các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế tạo, công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông, công nghiệp dược... Phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ. Chú trọng phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và vật liệu mới đi đôi với áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu. Từng bước phát triển công nghiệp sinh học và công nghiệp môi trường. Tiếp tục phát triển phù hợp ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động.

Phát huy hiệu quả khu, cụm công nghiệp và đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hình thức cụm, nhóm sản phẩm tạo thành tổ hợp công nghiệp quy mô lớn và hiệu quả cao; hoàn thành việc xây dựng khu công nghệ cao và triển khai xây dựng một số khu nghiên cứu cải tiến kỹ thuật và đổi mới công nghệ, phát triển công nghệ “Made by Vietnam”. Thực hiện phân bố công nghiệp hợp lý trên toàn lãnh thổ, bảo đảm phát triển cân đối và hiệu quả giữa các vùng.

Thứ năm, phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững, đặc biệt chú trọng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp xanh.

Khai thác lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới để phát triển sản xuất hàng hóa lớn với năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao. Tăng nhanh sản lượng và kim ngạch xuất khẩu nông sản, nâng cao thu nhập và đời sống nông dân, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia. Xây dựng mô hình sản xuất, kinh doanh phù hợp với từng loại cây, con. Khuyến khích tập trung ruộng đất; phát triển trang trại, doanh nghiệp nông nghiệp phù hợp về quy mô và điều kiện của từng vùng. Gắn kết chặt chẽ, hài hòa lợi ích giữa người sản xuất, người chế biến và người tiêu thụ, giữa việc áp dụng kỹ thuật và công nghệ với tổ chức sản xuất, giữa phát triển nông nghiệp với xây dựng nông thôn mới. Đẩy nhanh áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ tiên tiến, hiện đại trong sản xuất, chế biến, bảo quản; ưu tiên ứng dụng công nghệ sinh học để tạo nhiều giống cây trồng, vật nuôi và quy trình sản xuất đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao, tăng nhanh giá trị gia tăng trên một đơn vị đất canh tác. Hỗ trợ phát triển mạnh các khu nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp xanh. Đẩy mạnh chăn nuôi theo phương thức công nghiệp, bán công nghiệp, bảo đảm chất lượng và an toàn dịch bệnh.

Phát triển lâm nghiệp bền vững. Quy hoạch và có chính sách phát triển phù hợp các loại rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng với chất lượng được nâng cao. Nhà nước đầu tư và có chính sách đồng bộ để quản lý và phát triển rừng phòng hộ và rừng đặc dụng, đồng thời bảo đảm cho người nhận khoán chăm sóc, bảo

vệ rừng có cuộc sống ổn định. Khuyến khích tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư trồng rừng sản xuất; gắn trồng rừng nguyên liệu với công nghiệp chế biến ngay từ trong quy hoạch và dự án đầu tư; lấy nguồn thu từ rừng để phát triển rừng và làm giàu từ rừng.

Khai thác bền vững, hiệu quả nguồn lợi thủy sản, phát triển đánh bắt xa bờ, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường biển. Phát triển nuôi trồng thủy sản theo quy hoạch, tập trung vào sản phẩm có thể mạnh, có giá trị cao; xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng vùng nuôi; đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và chế biến, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và đáp ứng yêu cầu vệ sinh, an toàn thực phẩm. Xây dựng ngành thủy sản Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

Thứ sáu, phát triển mạnh ngành dịch vụ, nhất là dịch vụ có giá trị cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh, tăng nhanh ngành dịch vụ dựa trên công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại, công nghệ kỹ thuật số...

Phát triển khu vực dịch vụ đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn khu vực sản xuất và cao hơn tốc độ tăng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) là một hướng quan trọng chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, như du lịch xanh, hàng hải, hàng không, viễn thông, công nghệ thông tin, y tế, thương mại điện tử...

Thứ bảy, phát triển nhanh kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông hiện đại, hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số...

Hình thành cơ bản hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với các công trình hiện đại là một đột phá chiến lược, là yếu tố quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và cơ cấu lại nền kinh tế. Tập trung rà soát và hoàn chỉnh quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng trong cả nước và trong từng vùng, nhất là giao thông, thủy điện, thủy

lợi, bảo đảm sử dụng tiết kiệm nguồn lực và hiệu quả kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường.

Đa dạng hóa hình thức đầu tư, khuyến khích các thành phần kinh tế, kể cả đầu tư nước ngoài tham gia phát triển kết cấu hạ tầng.

Thứ tám, bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, chủ động thích ứng và thích nghi hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai.

Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, gắn nhiệm vụ, mục tiêu bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế - xã hội. Đổi mới cơ chế quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng và chương trình, dự án. Dự án đầu tư xây dựng mới phải đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường. Thực hiện nghiêm ngặt lộ trình xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Hoàn thiện hệ thống luật pháp về bảo vệ môi trường; xây dựng biện pháp đủ mạnh để ngăn ngừa, xử lý hành vi vi phạm. Khắc phục suy thoái, bảo vệ môi trường và cân bằng sinh thái, nâng cao chất lượng môi trường. Thực hiện tốt chương trình trồng rừng, ngăn chặn hiệu quả nạn phá rừng, cháy rừng; tăng diện tích khu bảo tồn thiên nhiên. Quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước, khoáng sản và tài nguyên thiên nhiên khác. Hạn chế và tiến tới không xuất khẩu tài nguyên chưa qua chế biến. Chú trọng phát triển kinh tế xanh, thân thiện với môi trường. Thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững; từng bước phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch, tiêu dùng sạch. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, phát triển dịch vụ môi trường, xử lý chất thải.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, dự báo khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu và đánh giá tác động để chủ động triển khai thực hiện hiệu quả giải pháp phòng, chống thiên tai và Chương trình quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng. Tăng cường hợp tác quốc tế để phối hợp hành động và thu hút nguồn lực quốc tế./.

(1), (2) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 75 - 76, 98

(3), (4) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. 1, tr. 214, 216 - 217